

Bản án số: 141/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 6 – 2023

Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Anh Minh.

- Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Công T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: đường Q, khóm H, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Tô Kim D, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ nơi cư trú: đường L, ấp B, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 30/01/2023 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Công T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Tô Kim D chung sống vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống được một thời gian thì anh bỏ nhà đi làm ăn, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, cũng không quan tâm lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Anh xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn chị D.

Về con chung: Anh xác định có 01 con chung tên Nguyễn Tô Duy U, sinh ngày 04/11/2007, hiện cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, anh có thay đổi ý kiến, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, cấp dưỡng đến khi cháu U 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh xác định không có.

Về nợ chung: Anh khai không nợ ai và không ai nợ lại anh chị.

- Quá trình giải quyết vụ án, chị Tô Kim D vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 19/6/2023 chị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh Nguyễn Công T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tô Duy U, sinh ngày 04/11/2007, hiện cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu U và yêu cầu anh T cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi anh T hết tuổi lao động. Vì cháu U khuyết tật bẩm sinh (câm, điếc).

Về tài sản chung: Chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Tô Kim D đã được tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng chị vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Công T xác định anh và chị Tô Kim D chung sống vợ chồng vào năm 2005, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Tô Duy U, sinh ngày 04/11/2007, hiện cháu đang sống với chị D. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh T thống nhất giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, anh chị thống nhất giao con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, sự thống nhất này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu U muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu U cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết, chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ, thời gian cấp dưỡng đến khi anh T hết tuổi lao động, do cháu U khuyết tật bẩm sinh. Tại phiên tòa anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Xét thấy, cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cha mẹ, anh T không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con với số tiền 2.000.000đ/tháng theo sự tự nguyện của anh T là phù hợp. Đối với việc chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con đến khi anh T hết tuổi lao động là không được chấp nhận, bởi cháu U khi đủ 18 tuổi, cháu đã thành niên mặc dù cháu có khuyết tật bẩm sinh nhưng không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động, vì vậy Hội đồng xét xử buộc anh T cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng 2.000.000đ, cấp dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Anh T, chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Anh T, chị D khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra xem xét.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Công T và chị Tô Kim D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tô Duy U, sinh ngày 04/11/2007 cho chị Tô Kim D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Công T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Anh Nguyễn Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, anh Nguyễn Công T phải chịu 300.000đ. Ngày 01 tháng 02 năm 2023, anh T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0002747 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Nguyễn Công T phải nộp 300.000đ (Chưa nộp).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lê Thị Thu**